

KẾ HOẠCH
Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên
trung học cơ sở (từ hạng II lên hạng I) và giáo viên
trung học phổ thông (từ hạng III lên hạng II)

Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ về việc Quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Căn cứ Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12/04/2012 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 12/2012/TT-BNV ngày 18/12/2012 của Bộ Nội vụ quy định về chức danh nghề nghiệp và thay đổi chức danh nghề nghiệp đối với viên chức; Thông tư số 28/2017/TT-BGDĐT ngày 30/11/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định tiêu chuẩn, điều kiện, nội dung, hình thức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, phổ thông công lập;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 23/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16/9/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học phổ thông công lập; Thông tư liên tịch số 22/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16/9/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở công lập;

Căn cứ Thông tư số 03/2019/TT-BNV ngày 14/5/2019 của Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp;

Căn cứ Công văn số 3091/BNV-CCVC ngày 22/6/2020 của Bộ Nội vụ về việc tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên năm 2020 của tỉnh Bình Định; UBND tỉnh ban hành Kế hoạch tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở (từ hạng II lên hạng I) và giáo viên trung học phổ thông (từ hạng III lên hạng II) năm 2020 như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

a) Tổ chức thực hiện thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên để đánh giá, lựa chọn được đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên đáp ứng theo yêu cầu tiêu

chuẩn của chức danh nghề nghiệp giáo viên, vị trí việc làm. Qua đó xem xét, bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp giáo viên theo trình độ, năng lực và có kế hoạch quản lý, sử dụng, thực hiện các chế độ, quyền lợi cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên.

b) Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên các cấp về trình độ chuyên môn, kỹ năng nghiệp vụ, lý luận chính trị, phẩm chất đạo đức; đáp ứng được yêu cầu đổi mới và phát triển giáo dục trong giai đoạn hiện nay.

2. Yêu cầu

a) Việc cử viên chức tham dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp (sau đây gọi tắt là CDNN) phải căn cứ vào vị trí việc làm, cơ cấu chức danh nghề nghiệp, nhu cầu của các cơ sở giáo dục công lập và tình hình thực tế của địa phương, đơn vị.

b) Viên chức được tham dự xét thăng hạng CDNN từ hạng thấp lên hạng cao hơn liền kề cùng chức danh nghề nghiệp đang giữ.

c) Viên chức tham dự xét thăng hạng CDNN phải có đủ hồ sơ và các minh chứng theo quy định. Đối với các tiêu chuẩn, tiêu chí không có minh chứng là các văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận, quyết định, bằng khen, giấy khen, đề tài, đề án hoặc sản phẩm được ứng dụng trong giáo dục, giảng dạy học sinh và tài liệu có liên quan thì minh chứng là xác nhận của cơ quan sử dụng giáo viên về năng lực của giáo viên đáp ứng các tiêu chuẩn, tiêu chí đó.

d) Việc tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp được thực hiện bình đẳng, công khai, minh bạch, khách quan và đúng quy định của pháp luật.

II. NHU CẦU, HÌNH THỨC XÉT THĂNG HẠNG

1. Nhu cầu xét thăng hạng

Tổng số chỉ tiêu xét thăng hạng CDNN giáo viên trung học cơ sở hạng I và giáo viên trung học phổ thông hạng II là 194 chỉ tiêu, cụ thể như sau:

a) Nhu cầu chỉ tiêu xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng III lên hạng II đối với giáo viên ở các trường THPT: 170 chỉ tiêu.

b) Nhu cầu chỉ tiêu xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng II lên hạng I đối với giáo viên ở các trường THCS: 24 chỉ tiêu.

2. Hình thức xét thăng hạng

Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 28/2017/TT-BGDĐT ngày 30/11/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định tiêu chuẩn, điều kiện, nội dung, hình thức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, phổ thông công lập; Thông tư số 03/2019/TT-BNV ngày 14/5/2019 của Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và các quy định, văn bản có liên quan.

III. NỘI DUNG XÉT THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP

1. Đối tượng

Giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục (sau đây gọi chung là giáo viên) đã được tuyển dụng vào biên chế và bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp, hạng viên chức đang công tác tại các trường trung học cơ sở, trung học phổ thông công lập (sau đây gọi chung là cơ sở giáo dục), hiện đang xếp chức danh nghề nghiệp giáo viên THCS hạng II, mã số V.07.04.11; giáo viên THPT hạng III, mã số V.07.05.15.

2. Điều kiện, tiêu chuẩn

Giáo viên tham dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp phải đáp ứng các điều kiện, tiêu chuẩn sau:

- a) Được Thủ trưởng đơn vị cử tham dự kỳ xét thăng hạng;
- b) Được cấp có thẩm quyền đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong thời gian công tác 03 (ba) năm liên tục tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ dự xét thăng hạng; có đủ phẩm chất và đạo đức nghề nghiệp; không trong thời gian bị thi hành kỷ luật hoặc đã có thông báo về việc xem xét xử lý kỷ luật của cơ quan, đơn vị có thẩm quyền;
- c) Có đủ trình độ đào tạo, bồi dưỡng, năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của chức danh nghề nghiệp ở hạng đăng ký dự xét theo quy định tại Thông tư liên tịch số 22/2015/TTLT-BGDĐT-BNV và Thông tư liên tịch số 23/2015/TTLT-BGDĐT-BNV.
 - Viên chức xét thăng hạng từ chức danh giáo viên THCS hạng II lên chức danh giáo viên THCS hạng I phải có thời gian giữ chức danh giáo viên THCS hạng II hoặc tương đương từ đủ 06 (sáu) năm trở lên, trong đó thời gian giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên THCS hạng II từ đủ 01 (một) năm trở lên.
 - Viên chức xét thăng hạng từ chức danh giáo viên THPT hạng III lên chức danh giáo viên THPT hạng II phải có thời gian giữ chức danh giáo viên THPT hạng III hoặc tương đương từ đủ 06 (sáu) năm trở lên, trong đó thời gian gần nhất giữ chức danh giáo viên THPT hạng III tối thiểu từ đủ 01 (một) năm trở lên.

3. Nội dung xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp

- a) Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên THCS từ hạng II lên hạng I :
 - Thông qua việc xét, chấm điểm hồ sơ và sát hạch theo quy định tiêu chuẩn CDNN giáo viên hạng I cấp THCS. Giáo viên có điểm hồ sơ đạt 100 điểm trở lên thì được tham gia sát hạch. Những giáo viên không được tham gia sát hạch được thông báo không đủ điều kiện để tiếp tục xét thăng hạng CDNN.
 - Việc sát hạch được thực hiện thông qua hình thức làm bài khảo sát (làm bài viết); thời gian làm bài khảo sát là 45 phút; nội dung khảo sát liên quan đến nhiệm vụ của nhà giáo theo quy định tại tiêu chuẩn hạng chức danh nghề nghiệp cấp THCS.

b) Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên THPT từ hạng III lên hạng II: Thông qua việc xét và chấm điểm hồ sơ theo quy định tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên hạng II cấp THPT.

IV. QUY ĐỊNH CÁCH TÍNH ĐIỂM HỒ SƠ VÀ ĐIỂM SÁT HẠCH

1. Cách tính điểm hồ sơ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp

a) Hồ sơ xét thăng hạng được chấm theo thang điểm 100. Tổng điểm của hồ sơ xét thăng hạng bao gồm điểm chấm hồ sơ và điểm tăng thêm. Không làm tròn số khi cộng điểm.

b) Điểm hồ sơ là 100 điểm, cụ thể:

- Nhóm tiêu chí đánh giá về khả năng thực hiện nhiệm vụ của giáo viên ở hạng đề nghị xét: 5,0 điểm;

- Nhóm tiêu chí về tiêu chuẩn trình độ đào tạo, bồi dưỡng: 20 điểm;

- Nhóm tiêu chí về tiêu chuẩn năng lực chuyên môn, nghiệp vụ: 75 điểm.

(Điểm chi tiết của từng tiêu chí theo Phụ lục đính kèm Kế hoạch này).

c) Điểm tăng thêm: 5,0 điểm

Điểm tăng thêm được thực hiện đối với những trường hợp sau:

- Cộng 2,0 điểm tính vào điểm của nhóm tiêu chí về tiêu chuẩn trình độ đào tạo, bồi dưỡng. Cụ thể:

+ Có trình độ đào tạo chuyên môn nghiệp vụ đạt trình độ thạc sĩ cộng 0,5 điểm; đạt trình độ tiến sĩ cộng 1,0 điểm;

+ Có trình độ ngoại ngữ cao hơn so với quy định của hạng giáo viên tham gia dự xét: 0,5 điểm;

+ Có trình độ tin học cao hơn so với quy định của hạng giáo viên tham gia dự xét: 0,5 điểm;

- Cộng 3,0 điểm tính vào điểm của nhóm tiêu chí về tiêu chuẩn năng lực chuyên môn, nghiệp vụ. Cụ thể:

+ Có thành tích được tặng bằng khen cấp tỉnh, Bộ cộng 0,5 điểm; có thành tích được tặng bằng khen Chính phủ trở lên cộng 1,0 điểm.

+ Có giấy chứng nhận chiến sĩ thi đua cấp tỉnh cộng 0,5 điểm; có giấy chứng nhận chiến sĩ thi đua cấp toàn quốc cộng 1,0 điểm.

+ Giáo viên có học sinh đạt giải trong cuộc thi do ngành Giáo dục tổ chức (không tính các cuộc thi do các cơ quan, đơn vị ngoài ngành Giáo dục tổ chức) cấp tỉnh cộng 0,5 điểm, cấp quốc gia cộng 1,0 điểm; giáo viên có học sinh trong đội tuyển học sinh dự thi khoa học kỹ thuật, văn hóa, thể thao khu vực Đông Nam Á, Châu Á Thái Bình Dương, quốc tế cộng 0,5 điểm; giáo viên có học sinh đạt giải khoa học kỹ thuật, văn hóa, thể thao khu vực Đông Nam Á, Châu Á Thái Bình Dương, quốc tế cộng 1,0 điểm.

Đối với những tiêu chuẩn, tiêu chí có nhiều minh chứng để tính điểm tăng thêm thì chỉ tính điểm tăng thêm cho minh chứng có giá trị cao nhất.

2. Quy định về cách tính điểm sát hạch

- a) Điểm sát hạch chấm theo thang điểm 20, không làm tròn số khi cộng điểm.
- b) Hội đồng xét thăng hạng quy định điểm cụ thể đối với mỗi câu hỏi ở nội dung khảo sát.

3. Trường hợp miễn xét trình độ ngoại ngữ và tin học trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên

a) Viên chức tính đến ngày 31 tháng 12 của năm tổ chức xét thăng hạng, có tuổi đời từ đủ 55 tuổi trở lên đối với nam và từ đủ 50 tuổi trở lên đối với nữ thì được miễn xét trình độ ngoại ngữ, tin học theo quy định của hạng chức danh nghề nghiệp.

b) Trong trường hợp được miễn xét trình độ ngoại ngữ và tin học nhưng có trình độ ngoại ngữ, tin học cao hơn so với quy định về trình độ ngoại ngữ, tin học của hạng tham gia dự xét thì vẫn được xét để tính điểm tăng thêm.

c) Đối với những trường hợp miễn xét trình độ ngoại ngữ và tin học vẫn được tính điểm theo số điểm quy định của tiêu chuẩn, tiêu chí đó để bảo đảm tổng điểm hồ sơ là 100 điểm.

V. XÁC ĐỊNH NGƯỜI ĐƯỢC THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP

1. Viên chức được thăng hạng chức danh nghề nghiệp trong kỳ xét thăng hạng phải có đủ các điều kiện sau đây:

a) Đúng đối tượng, đủ điều kiện, tiêu chuẩn và có đủ hồ sơ kèm theo các minh chứng theo quy định;

b) Đối với trường hợp xét hồ sơ: Kết quả được xét bằng điểm chấm hồ sơ phải đạt 100 điểm trở lên và xét theo chỉ tiêu của từng đơn vị được phê duyệt từ cao xuống thấp. Trong đó, điểm của mỗi nhóm tiêu chí phải đạt tối thiểu theo quy định, cụ thể:

- Tiêu chí đánh giá về khả năng thực hiện nhiệm vụ của giáo viên ở hạng đề nghị xét: 5,0 điểm;

- Tiêu chí về tiêu chuẩn trình độ đào tạo, bồi dưỡng: 20 điểm;

- Tiêu chí về tiêu chuẩn năng lực chuyên môn, nghiệp vụ: 75 điểm.

Trường hợp có 02 người trở lên có có điểm chấm hồ sơ và điểm ưu tiên bằng nhau ở chỉ tiêu thăng hạng cuối cùng của đơn vị thì người được thăng hạng chức danh nghề nghiệp chọn theo thứ tự ưu tiên như sau:

- Người được khen thưởng cấp cao hơn;

- Người có thâm niên công tác nhiều hơn;

- Người có trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao hơn;

- Viên chức là nữ.

Nếu vẫn không xác định được người thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo thứ tự nêu trên thì Hội đồng xem xét, quyết định.

c) Đối với trường hợp xét hồ sơ và sát hạch: Kết quả được xét bằng điểm chấm hồ sơ 100 điểm trở lên (trong đó, điểm của mỗi nhóm tiêu chí phải đạt tối thiểu theo quy định tại điểm a, điểm b, điểm c khoản 2 Điều 6 Thông tư số 28/2017/TT-BGDĐT) và điểm sát hạch phải đạt tối thiểu 10 điểm.

2. Viên chức được xác định không trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng CDNN không được bảo lưu kết quả cho kỳ xét thăng hạng lần sau.

VI. HỒ SƠ XÉT THĂNG HẠNG

Hồ sơ đăng ký tham dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp của mỗi giáo viên được lập thành 02 bộ, lưu trữ vào một bì đựng riêng có kích thước 250 x 340 x 5 mm và sắp xếp các minh chứng trong hồ sơ theo thứ tự như sau:

1. Thành phần hồ sơ theo điều kiện, tiêu chuẩn

- Văn bản đề nghị cử giáo viên tham dự xét thăng hạng CDNN của cơ quan, đơn vị có thẩm quyền kèm theo danh sách trích ngang của giáo viên có đủ tiêu chuẩn, điều kiện tham dự xét thăng hạng (*theo Mẫu số 3 ban hành kèm theo Thông tư 12/2012/TT-BNV ngày 18/12/2012 của Bộ Nội vụ*);

- Biên bản họp xét cử giáo viên tham dự xét thăng hạng CDNN của cơ quan, đơn vị.

- Đơn đăng ký dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp của giáo viên;

- Bản sơ yếu lý lịch của giáo viên (*theo Mẫu số 2 ban hành kèm theo Thông tư 12/2012/TT-BNV ngày 18/12/2012 của Bộ Nội vụ*), có xác nhận của cơ quan, đơn vị sử dụng hoặc quản lý viên chức (nếu là Hiệu trưởng thì do Thủ trưởng cơ quan quản lý cấp trên xác nhận).

- Bản sao Bản nhận xét, đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong thời gian công tác 03 năm liên tục (2017-2018; 2018-2019; 2019-2020);

- Bản sao Quyết định lương hiện hưởng gần nhất;

2. Thành phần hồ sơ tính điểm

a) Hồ sơ xét giáo viên trung học cơ sở hạng I:

- *Tiêu chuẩn khả năng thực hiện các nhiệm vụ*: Bản nhận xét của đại diện ban giám hiệu, các tổ chuyên môn, các tổ chức đoàn thể trong trường có xác nhận của hiệu trưởng và các minh chứng (nếu có) dự báo về khả năng thực hiện được các nhiệm vụ của hạng I.

- *Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng*:

Bản sao có chứng thực các văn bằng, chứng chỉ sau:

+ Bằng tốt nghiệp đại học sư phạm trở lên hoặc đại học các chuyên ngành phù hợp với bộ môn giảng dạy trở lên kèm theo chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm đối với giáo viên trung học cơ sở;

+ Chứng chỉ trình độ ngoại ngữ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp (hoặc chứng chỉ tiếng dân tộc đối với những vị trí việc làm yêu cầu sử dụng tiếng dân tộc); Đối với giáo viên dạy ngoại ngữ thì chứng chỉ trình độ ngoại ngữ thứ hai;

+ Chứng chỉ trình độ tin học theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp;

+ Chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở hạng I.

- *Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ:*

+ Biên bản ghi ý kiến của đại diện ban giám hiệu, các tổ chuyên môn, các tổ chức đoàn thể trong trường nhận xét, đánh giá từng tiêu chí có xác nhận của hiệu trưởng và các minh chứng (nếu có) như các sản phẩm nghiên cứu, bài soạn, tài liệu liên quan về các nội dung theo quy định của giáo viên trung học cơ sở hạng I;

+ Giấy chứng nhận chiến sĩ thi đua cấp cơ sở hoặc giáo viên dạy giỏi hoặc giáo viên chủ nhiệm giỏi hoặc tổng phụ trách đội giỏi cấp huyện trở lên (*bản sao có chứng thực*);

+ Quyết định (thông báo) trúng tuyển (*bản sao có chứng thực*);

+ Quyết định bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở hạng II, mã số: V.07.04.11 (*bản sao có chứng thực*).

b) Hồ sơ xét giáo viên trung học phổ thông hạng II:

- *Tiêu chuẩn khả năng thực hiện các nhiệm vụ:* Bản nhận xét của đại diện ban giám hiệu, các tổ chuyên môn, các tổ chức đoàn thể trong trường có xác nhận của hiệu trưởng và các minh chứng (nếu có) dự báo về khả năng thực hiện được các nhiệm vụ của hạng II.

- *Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng:*

Bản sao có chứng thực các văn bằng, chứng chỉ sau:

+ Bằng tốt nghiệp đại học sư phạm trở lên hoặc có bằng tốt nghiệp đại học các chuyên ngành phù hợp với bộ môn giảng dạy trở lên kèm theo chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm đối với giáo viên trung học phổ thông;

+ Chứng chỉ trình độ ngoại ngữ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp (hoặc chứng chỉ tiếng dân tộc đối với những vị trí việc làm yêu cầu sử dụng tiếng dân tộc); đối với giáo viên dạy ngoại ngữ thì chứng chỉ trình độ ngoại ngữ thứ hai;

+ Chứng chỉ trình độ tin học theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp;

+ Chứng chỉ bồi dưỡng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học phổ thông hạng II.

- *Tiêu chuẩn năng lực chuyên môn, nghiệp vụ:*

+ Biên bản ghi ý kiến của đại diện ban giám hiệu, các tổ chuyên môn, các tổ chức đoàn thể trong trường nhận xét, đánh giá từng tiêu chí có xác nhận của hiệu trưởng và các minh chứng (nếu có) như các sản phẩm nghiên cứu, bài soạn, tài liệu liên quan về các nội dung theo quy định của giáo viên trung học phổ thông hạng II;

+ Giấy chứng nhận chiến sĩ thi đua cấp cơ sở hoặc giáo viên trung học phổ thông dạy giỏi, giáo viên trung học phổ thông chủ nhiệm giỏi cấp trường trở lên (*bản sao có chứng thực*);

+ Quyết định (thông báo) trúng tuyển (*bản sao có chứng thực*);

+ Quyết định bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15 (*bản sao có chứng thực*).

3. Thành phần hồ sơ cộng điểm tăng thêm: Bản sao có chứng thực các văn bản, chứng chỉ, giấy tờ minh chứng theo tiêu chuẩn được cộng điểm tăng thêm.

4. Viên chức đăng ký dự xét thăng hạng phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của nội dung hồ sơ đăng ký dự xét, không được bổ sung các minh chứng sau khi đã có kết quả xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp. Nếu viên chức sử dụng văn bản, chứng chỉ không hợp pháp, kê khai không đúng sự thật để đủ tiêu chuẩn, điều kiện tham dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, khi bị phát hiện sẽ bị xử lý kỷ luật theo quy định và hủy kết quả xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

VII. TRÌNH TỰ THỰC HIỆN

1. Tổ chức triển khai thực hiện

a) Chủ tịch UBND tỉnh thành lập Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên (sau đây gọi tắt là Hội đồng xét thăng hạng); Ban Giám sát.

b) Chủ tịch Hội đồng xét thăng hạng thành lập các Ban, Tổ giúp việc; tổ chức thực hiện các nội dung xét thăng hạng giáo viên; báo cáo kết quả, đề xuất Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định.

c) Sở Giáo dục và Đào tạo, UBND các huyện, thị xã, thành phố có trách nhiệm triển khai thực hiện và sơ tuyển, cử giáo viên tham dự kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên và chịu trách nhiệm về tiêu chuẩn, điều kiện của viên chức tham dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên.

(Trình tự, thủ tục thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 11 Thông tư số 12/2012/TT-BNV của Bộ Nội vụ)

2. Tổ chức tiếp nhận, thẩm định, chấm điểm hồ sơ

a) Địa điểm tiếp nhận hồ sơ: Hồ sơ đăng ký xét thăng hạng gửi về Sở Giáo dục và Đào tạo (qua Tổ giúp việc của Hội đồng xét thăng hạng - Phòng Tổ chức cán bộ (phòng 306), số 08, Trần Phú, thành phố Quy Nhơn.

b) Thời gian tiếp nhận hồ sơ: Từ ngày 09/11/2020 đến ngày 13/11/2020 (trong giờ hành chính). Các hồ sơ gửi sau thời hạn quy định hoặc không đầy đủ giấy tờ, tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định sẽ không được xem xét, giải quyết.

c) Ban Thẩm định hồ sơ thực hiện nội dung thẩm định, chấm điểm hồ sơ theo quy định; báo cáo kết quả, đề xuất kiến nghị Hội đồng xét thăng hạng xem xét, quyết định.

3. Phúc khảo kết quả xét thẩm định, chấm điểm hồ sơ

a) Tổ chức tiếp nhận, giải quyết đơn đề nghị phúc khảo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày công bố công khai kết quả thẩm định, chấm điểm hồ sơ.

b) Ban Phúc khảo thực hiện nội dung thẩm định, chấm phúc khảo kết quả trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày hết thời hạn nhận đơn đề nghị phúc khảo theo quy định; báo cáo kết quả, đề xuất kiến nghị Hội đồng xét thăng hạng xem xét, quyết định.

4. Tổ chức kiểm tra sát hạch: Ban Kiểm tra sát hạch thực hiện nội dung kiểm tra sát hạch đối với một số vị trí xét thăng hạng theo quy định (xây dựng đề, đáp án, phương án, thang điểm chấm kiểm tra sát hạch; tổ chức coi thi kiểm tra sát hạch; tổ chức chấm thi, kiểm tra sát hạch); báo cáo kết quả, đề xuất kiến nghị Hội đồng xét thăng hạng xem xét, quyết định.

5. Phúc khảo kết quả kiểm tra sát hạch

a) Tổ chức tiếp nhận, giải quyết đơn đề nghị phúc khảo kết quả kiểm tra sát hạch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày công bố công khai kết quả kiểm tra sát hạch.

b) Ban Phúc khảo thực hiện nội dung chấm phúc khảo kết quả kiểm tra sát hạch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn nhận đơn đề nghị phúc khảo theo quy định; báo cáo kết quả, đề xuất kiến nghị Hội đồng xét thăng hạng xem xét, quyết định.

6. Quyết định kết quả xét thăng hạng: Hội đồng xét thăng hạng báo cáo đề xuất Chủ tịch UBND tỉnh công nhận kết quả xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức theo quy định và Kế hoạch này.

VIII. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Giao Sở Giáo dục và Đào tạo dự toán kinh phí để triển khai thực hiện Kế hoạch xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở (từ hạng II lên hạng I) và giáo viên trung học phổ thông (từ hạng III lên hạng II), trình UBND tỉnh (qua Sở Tài chính thẩm định) để xem xét, phê duyệt.

IX. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên có trách nhiệm tham mưu, giúp UBND tỉnh tổ chức thực hiện đảm bảo, đầy đủ các nội dung, thủ tục, quy trình, hồ sơ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên theo đúng quy định.

2. Ban Giám sát xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp có nhiệm vụ tổ chức triển khai thực hiện các nội dung giám sát xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp

viên chức giáo dục và đào tạo theo hướng dẫn, quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Nội vụ; báo cáo UBND tỉnh kết quả thực hiện, các nội dung có liên quan.

3. Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Nội vụ, Sở Tài chính, UBND các huyện, thị xã, thành phố phối hợp thực hiện các nội dung về thăng hạng CDNN giáo viên theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

4. Các nội dung không quy định trong Kế hoạch này được thực hiện theo quy định hiện hành.

Giám đốc các Sở: Giáo dục và Đào tạo, Nội vụ; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan liên quan phối hợp tổ chức thực hiện theo quy định./.

Nơi nhận:

- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Giáo dục và Đào tạo;
- Sở Nội vụ;
- Sở Tài chính;
- LĐVP UBND tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Trung tâm Tin học - Công báo;
- Lưu: VT, K9, K12.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Tuấn Thanh

Phụ lục
MINH CHỨNG VÀ CHẤM ĐIỂM HỒ SƠ XÉT
THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP GIÁO VIÊN
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND
ngày / /2020 của UBND tỉnh)

I. Hướng dẫn minh chứng và chấm điểm hồ sơ xét giáo viên trung học phổ thông hạng II

1. Nhiệm vụ (5,0 điểm)

Bao gồm bản nhận xét của đại diện ban giám hiệu, các tổ chuyên môn, các tổ chức đoàn thể trong trường có xác nhận của hiệu trưởng và các minh chứng (nếu có) dự báo về khả năng thực hiện được các nhiệm vụ của hạng II.

a) Làm báo cáo viên hoặc xác nhận của hiệu trưởng đã tham gia dạy minh họa ở các lớp bồi dưỡng giáo viên trung học phổ thông hoặc dạy thử nghiệm các mô hình, phương pháp mới (0,5 điểm);

b) Tham gia hướng dẫn sinh viên thực hành sư phạm khi được phân công hoặc hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ cho đồng nghiệp (0,5 điểm);

c) Vận dụng hiệu quả sáng kiến kinh nghiệm, tham gia đánh giá hoặc hướng dẫn đồng nghiệp viết sáng kiến kinh nghiệm, sản phẩm nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng cấp trường trở lên (0,5 điểm);

d) Tham gia hướng dẫn hoặc đánh giá sản phẩm nghiên cứu khoa học kỹ thuật của học sinh trung học phổ thông từ cấp trường trở lên (0,5 điểm);

đ) Chủ trì các nội dung bồi dưỡng, sinh hoạt chuyên đề ở tổ chuyên môn (1,0 điểm);

e) Tham gia công tác kiểm tra chuyên môn, nghiệp vụ cho giáo viên trung học phổ thông cấp trường trở lên (0,5 điểm);

g) Tham gia ban giám khảo hội thi giáo viên trung học phổ thông dạy giỏi hoặc giáo viên trung học phổ thông chủ nhiệm giỏi cấp trường trở lên (0,5 điểm);

h) Tham gia ra đề và chấm thi học sinh giỏi trung học phổ thông từ cấp trường trở lên (0,5 điểm);

i) Tham gia tổ chức, đánh giá các hội thi của học sinh trung học phổ thông từ cấp trường trở lên (0,5 điểm).

2. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng (20 điểm)

Bao gồm các minh chứng được quy định dưới đây và các minh chứng khác (nếu có) để tính điểm tăng thêm.

a) Bằng tốt nghiệp đại học sư phạm trở lên hoặc có bằng tốt nghiệp đại học các chuyên ngành phù hợp với bộ môn giảng dạy trở lên kèm theo chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm đối với giáo viên trung học phổ thông (5 điểm);

b) Chứng chỉ trình độ ngoại ngữ bậc 2 theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc chứng chỉ tiếng dân tộc đối với những vị trí việc làm yêu cầu tiếng dân tộc (5 điểm);

Đối với giáo viên dạy ngoại ngữ thì có chứng chỉ trình độ ngoại ngữ thứ hai bậc 2 theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

c) Chứng chỉ trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin (5 điểm);

d) Chứng chỉ bồi dưỡng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học phổ thông hạng II (5 điểm).

3. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ (75 điểm)

Bao gồm các minh chứng được quy định dưới đây và các minh chứng khác (nếu có) để tính điểm tăng thêm.

a) Biên bản ghi ý kiến của đại diện ban giám hiệu, các tổ chuyên môn, các tổ chức đoàn thể trong trường nhận xét, đánh giá từng tiêu chí có xác nhận của hiệu trưởng và các minh chứng (nếu có) như các sản phẩm nghiên cứu, bài soạn, tài liệu liên quan về các nội dung sau: (55 điểm)

Nắm vững chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng, Nhà nước, quy định và yêu cầu của ngành, địa phương về giáo dục trung học phổ thông (5 điểm);

Thực hiện tốt, kế hoạch, chương trình giáo dục trung học phổ thông (5 điểm);

Vận dụng linh hoạt và hướng dẫn đồng nghiệp vận dụng những kiến thức về giáo dục học và tâm sinh lý lứa tuổi vào thực tiễn giáo dục học sinh trung học phổ thông (15 điểm);

Vận dụng tốt những kiến thức về kinh tế, văn hóa, xã hội trong tư vấn hướng nghiệp, phân luồng học sinh trung học phổ thông (5 điểm);

Tích cực phối hợp với đồng nghiệp, cha mẹ học sinh và cộng đồng để nâng cao hiệu quả giáo dục học sinh trung học phổ thông (10 điểm);

Có khả năng vận dụng hiệu quả, đánh giá hoặc hướng dẫn đồng nghiệp viết sáng kiến kinh nghiệm, sản phẩm nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng cấp trường trở lên (10 điểm);

Có khả năng hướng dẫn, đánh giá sản phẩm nghiên cứu khoa học kỹ thuật của học sinh trung học phổ thông từ cấp trường trở lên (5 điểm);

b) Giấy chứng nhận chiến sĩ thi đua cấp cơ sở hoặc giáo viên trung học phổ thông dạy giỏi, giáo viên trung học phổ thông chủ nhiệm giỏi cấp trường trở lên (15 điểm);

c) Quyết định bổ nhiệm vào hạng (trước đây là ngạch) hoặc các minh chứng khác để xác nhận thời gian giữ chức danh giáo viên trung học phổ thông hạng III hoặc tương đương từ đủ 06 (sáu) năm trở lên, trong đó thời gian gần nhất giữ chức danh giáo viên trung học phổ thông hạng III tối thiểu từ đủ 01 (một) năm trở lên (5 điểm).

II. Hướng dẫn minh chứng và chấm điểm hồ sơ xét giáo viên trung học cơ sở hạng I

1. Nhiệm vụ (5,0 điểm)

Bao gồm bản nhận xét của đại diện ban giám hiệu, các tổ chuyên môn, các tổ chức đoàn thể trong trường có xác nhận của hiệu trưởng và các minh chứng (nếu có) dự báo về khả năng thực hiện được các nhiệm vụ của hạng I.

a) Quyết định cử tham gia biên tập, biên soạn, phát triển chương trình, tài liệu bồi dưỡng giáo viên, học sinh trung học cơ sở (1,5 điểm);

b) Biên bản cuộc họp minh chứng đã chủ trì các nội dung bồi dưỡng, sinh hoạt chuyên đề của nhà trường hoặc tham gia các đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến kinh nghiệm cấp huyện trở lên (1,5 điểm);

c) Quyết định cử tham gia hướng dẫn, đánh giá, xét duyệt sáng kiến kinh nghiệm, đề tài nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng của đồng nghiệp từ cấp huyện trở lên (0,5 điểm);

d) Quyết định cử tham gia công tác kiểm tra chuyên môn, nghiệp vụ cho giáo viên trung học cơ sở cấp huyện trở lên (0,5 điểm);

đ) Quyết định cử tham gia ban giám khảo hội thi giáo viên dạy giỏi hoặc giáo viên chủ nhiệm giỏi hoặc tổng phụ trách đội giỏi cấp huyện trở lên (0,5 điểm);

e) Quyết định cử tham gia tham gia tổ chức, đánh giá các hội thi của học sinh trung học cơ sở từ cấp huyện trở lên (0,5 điểm).

2. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng (20 điểm)

Bao gồm các minh chứng được quy định dưới đây và các minh chứng khác (nếu có) để tính điểm tăng thêm.

a) Bằng tốt nghiệp đại học sư phạm trở lên hoặc đại học các chuyên ngành phù hợp với bộ môn giảng dạy trở lên kèm theo chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm đối với giáo viên trung học cơ sở (5 điểm);

b) Chứng chỉ trình độ ngoại ngữ bậc 3 theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc chứng chỉ tiếng dân tộc đối với những vị trí việc làm yêu cầu sử dụng tiếng dân tộc (5 điểm);

Đối với giáo viên dạy ngoại ngữ thì chứng chỉ trình độ ngoại ngữ thứ hai bậc 3 theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

c) Chứng chỉ trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin (5 điểm);

d) Chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở hạng I (5 điểm).

3. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ (75 điểm)

Bao gồm các minh chứng được quy định dưới đây và các minh chứng khác (nếu có) để tính điểm tăng thêm.

a) Biên bản ghi ý kiến của đại diện ban giám hiệu, các tổ chuyên môn, các tổ chức đoàn thể trong trường nhận xét, đánh giá từng tiêu chí có xác nhận của hiệu trưởng và các minh chứng (nếu có) như các sản phẩm nghiên cứu, bài soạn, tài liệu liên quan về các nội dung sau: (55 điểm)

Chủ động tuyên truyền và vận động đồng nghiệp thực hiện chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng, Nhà nước, quy định và yêu cầu của ngành, địa phương về giáo dục trung học cơ sở (5 điểm);

Hướng dẫn được đồng nghiệp thực hiện kế hoạch, chương trình giáo dục trung học cơ sở (5 điểm);

Vận dụng sáng tạo và đánh giá được việc áp dụng những kiến thức về giáo dục học và tâm sinh lý lứa tuổi vào thực tiễn giáo dục học sinh trung học cơ sở của đồng nghiệp (15 điểm);

Vận dụng linh hoạt những kiến thức về kinh tế, văn hóa, xã hội trong nước và quốc tế để định hướng nghề nghiệp học sinh trung học cơ sở (5 điểm);

Tích cực và chủ động phối hợp với đồng nghiệp, cha mẹ học sinh và cộng đồng để nâng cao hiệu quả giáo dục cho học sinh trung học cơ sở (10 điểm);

Có khả năng vận dụng sáng tạo và phổ biến sáng kiến kinh nghiệm hoặc sản phẩm nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng từ cấp huyện trở lên (10 điểm);

Có khả năng hướng dẫn đánh giá sản phẩm nghiên cứu khoa học kỹ thuật của học sinh trung học cơ sở (5 điểm);

b) Giấy chứng nhận chiến sĩ thi đua cấp cơ sở hoặc giáo viên dạy giỏi hoặc giáo viên chủ nhiệm giỏi hoặc tổng phụ trách đội giỏi cấp huyện trở lên (15 điểm);

c) Quyết định bổ nhiệm vào hạng (trước đây là ngạch) hoặc các minh chứng khác để xác nhận thời gian giữ chức danh giáo viên trung học cơ sở hạng II hoặc tương đương từ đủ 06 (sáu) năm trở lên, trong đó thời gian giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở hạng II từ đủ 01 (một năm) trở lên (5 điểm)/.